

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020//HNGĐ-ST

Ngày: 19/08/2020

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C,  
TỈNH K**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Xuân Oanh

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Yên

2. Ông Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký ghi biên bản: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh K.

Ngày 19 tháng 08 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 06 năm 2020 về “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐST - HNGĐ ngày 11/08/2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Khu tập thể bệnh viện đa khoa G, Phường G, Quận B, H. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

\* *Bị đơn:* Anh Q, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, thành phố C, tỉnh K. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 15/06/2020, bản tự khai ngày 16/06/2020, nguyên đơn chị T trình bày: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu nhau chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 26/12/2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân không hợp tính tình. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Chị T nhận thấy bản thân không còn tình cảm với chồng, hôn nhân không hòa hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị Trang yêu cầu được ly hôn với anh Q.

- *Về con chung:* Chị T và anh Q không có con chung.

- *Về tài sản chung:* Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai

\* Trong bản tự khai ngày 14/07/2020, bị đơn anh Q trình bày: Quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn đúng như chị T trình bày. Anh Q và chị T tự nguyện tìm hiểu nhau chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 26/12/2018. Trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp. Sau khi kết hôn được 02 tháng, chị T sang Hàn Quốc làm việc. Từ đó tình cảm vợ chồng phải nhạt và hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Chị T yêu cầu ly hôn, anh Q đồng ý.

- *Về con chung*: Anh Q và chị T không có con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh Q và chị T và không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai.

Nguyên đơn chị T và bị đơn anh Q đều yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt vì không có điều kiện đi lại tham gia phiên tòa.

\* Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết (hôn bản chính), Giấy chứng minh nhân dân Q (Bản sao), Giấy căn cước công dân T (Bản sao), Sổ hộ khẩu mang tên N(Bản sao), Sổ hộ khẩu mang tên V(Bản sao).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Q có nơi cư trú tại Thôn S, xã Đ, thành phố C, tỉnh K. Căn cứ tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh K. Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh K thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn*: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 26/12/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, không có sự chia sẻ lẫn nhau, Mặt khác, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng không cùng nhau tìm ra biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng rạn nứt. Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh Q là phù hợp với Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Q không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Q nên theo quy định tại khoản 5 Điều Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm với mức thu: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: Điều 28, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị T được ly hôn với anh Q.

2. Về con chung: Chị T và anh Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Q không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000668 ngày 15/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Vậy, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Chị T và anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh K;
- VKSND TP.C;
- CCTHCDS TP. C;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Xuân Oanh**